TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-09-2025
V/v "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hương
Bà Trương Thị Ngọc Linh
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Không tham gia phiên tòa.
Ngày 23 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ L số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 2 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 12/2025/TB- TA ngày 09/09/2025 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn Mẫu Đơn, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967
Địa chỉ: Ấp Sở Xiêm, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai
(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện nay hai người đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Vì vậy, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T.
Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung là Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1994 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.
Về tài sản chung: Tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.
Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.
Tại bản tự khai của bị đơn ông Nguyễn Văn T ngày 16/8/2025 trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T xác nhận việc hai bên chung sống từ năm 1988 nhưng không đăng kí kết hôn. Nay ông Nguyễn Văn T đồng ý với yêu cầu

không công nhận vợ chồng của bà Nguyễn Thị L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T đồng tình với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L và không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ L vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T; Con chung đã trưởng thành nên Toà án không xem xét; Tài sản chung đương sự chưa yêu cầu nên đề nghị Toà án không xem xét; Nợ chung nguyên đơn, bị đơn khai không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T, bị đơn địa chỉ ở ấp Sở Xiêm, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Con chung Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Thị Hà đã đủ tuổi trưởng thành nên Toà án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự chưa yêu cầu nên Toà án không xem xét; Nợ chung không có nên Toà án không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Thị Hà đã đủ tuổi trưởng thành nên Toà án không xem xét.

- Về tài sản chung: Đương sự chưa yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng theo biên lai thu số 0005610 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 10 – Đồng Nai
- THADS tỉnh Đồng Nai
- Phòng THADS Khu vực 10 – Đồng Nai
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Thanh